

Chuỗi cung ứng rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại Hợp tác xã Tân Tiến, tỉnh Lâm Đồng

NGUYỄN THỊ KIM ANH*
NGUYỄN THỊ TRÂM ANH**
NGUYỄN THẾ VINH***

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng rau an toàn theo chuẩn VietGAP để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho Hợp tác xã (HTX) Tân Tiến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, để hoàn thiện chuỗi cung ứng, trong thời gian tới, bên cạnh việc đẩy mạnh công tác tìm kiếm hợp đồng cung cấp đầu vào, HTX Tân Tiến cần chấp hành nghiêm chỉnh việc chấp hành tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, mở rộng hệ thống phân phối, cũng như đẩy mạnh chiến lược marketing nhằm phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Từ khóa: chuỗi cung ứng, rau an toàn, Hợp tác xã Tân Tiến, Lâm Đồng

Summary

This research is to propose several schemes to improve the supply chain of safe vegetables under VietGAP standards so as to increase the competitiveness of Tan Tien cooperative. It is indicated that to complete the supply chain, in the coming time, in addition to looking for input supply agreements, Tan Tien cooperative needs to strictly apply food hygiene and safety standards, expand distribution channels, as well as promote marketing strategies to develop consumer market.

Keywords: supply chain, safe vegetable, Tan Tien cooperative, Lam Dong province

GIỚI THIỆU

HTX Tân Tiến là một trong những đơn vị sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại Lâm Đồng. Mỗi năm, HTX có khoảng 50% sản lượng rau an toàn được nhập trực tiếp cho Mega Market, siêu thị, còn lại là phân phối cho thị trường ngoài qua kênh tư thương, nên chưa tạo dựng được thị trường đầu ra ổn định. Trong bối cảnh thị trường rau an toàn đang phát triển mạnh như hiện nay, việc đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đưa ra những giải pháp để hoàn thiện chuỗi cung ứng rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại HTX Tân Tiến là cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu sơ cấp: Tác giả tiến hành phỏng vấn Ban lãnh đạo HTX Tân Tiến, 20 hộ nông dân thành viên; 1 HTX liên kết; 2 chuyên gia từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Liên minh HTX tỉnh Lâm Đồng; 4 nhà cung cấp đầu vào và 2 khách hàng của HTX bằng hình thức phỏng vấn, trao đổi trực tiếp. Khảo sát được thực hiện từ tháng 03/2018 đến tháng 08/2018.

Dữ liệu thứ cấp: Được thu thập từ báo cáo của HTX Tân Tiến, tỉnh Lâm Đồng trong 2 năm 2016 và 2017.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Qua thu thập tài liệu từ HTX Tân Tiến, nhóm tác giả đưa ra quy trình chuỗi cung ứng của HTX Tân Tiến như Hình.

* PGS, TS., ** TS., Trường Đại học Nha Trang | Email: sonanhcc@gmail.com

*** Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận bài: 10/12/2018; Ngày phản biện: 09/02/2019; Ngày duyệt đăng: 15/02/2019

HÌNH: SƠ ĐỒ CHUỖ CUNG ỨNG RAU TẠI HTX TÂN TIẾN



Nguồn: HTX Tân Tiến

BẢNG 1: CHI PHÍ BÌNH QUẢN SẢN XUẤT CÂY GIỐNG
(ƯỚC TÍNH CHO 1 000 CÂY)

Loại cây giống	Chi phí (1.000 đồng)		
	Rau ăn lá (xà lách, các loại rau ăn lá)	Rau ăn quả (cà chua, ớt, dưa leo...)	Rau ăn củ (cà rốt, khoai tây, hành tây...)
Mua hạt giống	30	200	350
Phân bón	5	30	50
Thuốc BVTV	5	30	50
Vật tư	10	30	50
Thuê đất	5	30	50
Nhân công	10	50	100
Chi phí khác	5	30	50
Tổng chi phí	70	480	700

BẢNG 2: LỢI NHUẬN BÌNH QUẢN SẢN XUẤT CÂY GIỐNG

Loại cây giống	Năm 2016				Năm 2017			
	Sản lượng (1.000 cây)	Giá vốn (đồng)	Giá bán (đồng)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Sản lượng (1.000 cây)	Giá vốn (đồng)	Giá bán (đồng)	Lợi nhuận (Triệu đồng)
Rau ăn lá (xà lách, các loại rau ăn lá)	3 000	70	100	90	3.300	70	100	99
Rau ăn quả (cà chua, ớt, dưa leo...)	1.200	400	500	120	1 500	400	500	150
Rau ăn củ (cà rốt, khoai tây, hành tây...)	2.000	700	800	200	2 500	700	800	250
Tổng	6.200			410	7.300			499

Nguồn: Thu thập của nhóm tác giả

BẢNG 3: LỢI NHUẬN BÌNH QUẢN TỬ KINH DOANH PHÂN BÓN
CỦA HTX TÂN TIẾN

Chỉ tiêu	2016	2017
Sản lượng (tấn)	180	200
Giá vốn (1.000 đ/kg)	10	11
Giá bán (1.000 đ/kg)	11	12
Lợi nhuận chênh lệch giá (trên đồng)	180	200
Hoa hồng (0,5%), (trên đồng)	9	11
Lợi nhuận (triệu đồng)	189	211

Nguồn: HTX Tân Tiến

Phân tích các yếu tố của chuỗi cung ứng rau an toàn theo VietGAP

Các yếu tố đầu vào sản xuất

(i) Về cây giống. Trong quá trình sản xuất, người cung cấp cây giống hay hạt giống phải đảm bảo hạt giống đúng loại với những gì đã cam kết với người trồng. Chính vì vậy, hạt giống cây trồng được cung cấp cho HTX đạt tiêu chuẩn, phù hợp với yêu cầu của HTX. Bên cạnh đó, HTX cũng tiến hành sản xuất theo đặt hàng của một số đơn vị, như: Công ty Cuộc sống Xanh T&T. Có nghĩa là, khách hàng cung cấp hạt giống, HTX tiến hành sản xuất và bán sản phẩm theo giá đã cam kết khi ký hợp đồng. HTX có nhật ký, lưu giữ hình ảnh đầy đủ về các giai đoạn sản xuất, Công ty tiến hành kiểm tra giám sát để hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình sản xuất.

Chi phí và lợi nhuận của HTX trong việc sản xuất cây giống được tác giả thu thập, tổng hợp và tính toán như Bảng 1, 2.

(ii) Về phân bón. Theo khảo sát của tác giả, HTX đã cung cấp khoảng từ 50% phân bón cho các hộ nông dân thành viên, đó là loại phân hữu cơ chủ yếu trong trồng rau an toàn được cho phép sử dụng. Khi HTX cung cấp phân bón cho các hộ thành viên, họ được hưởng chênh lệch giá và chiết khấu hoa hồng trên sản lượng. Do HTX nhập số lượng phân bón lớn, nên được hưởng mức giá thấp hơn so với thị trường. Phần thu nhập này được tính vào thu nhập chung của HTX. Cụ thể sản lượng và lợi nhuận từ việc kinh doanh phân bón như Bảng 3.

(iii) Về thuốc bảo vệ thực vật. HTX tiến hành ghi nhật ký việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất liên quan. Để đảm bảo an toàn thực phẩm trước khi xuất bán cho khách hàng, HTX tiến hành đem các mẫu hàng hóa đi kiểm nghiệm về sinh an toàn thực phẩm nhằm tránh rủi ro xảy ra cho người tiêu dùng, cũng như uy tín thương hiệu và tăng năng lực cạnh tranh của HTX.

HTX Tân Tiến không cung cấp thuốc bảo vệ thực vật cho các hộ nông dân thành viên và liên kết của mình. Số nông dân thành viên được khảo sát đều cho biết, họ chủ động mua theo yêu cầu tình hình thực tế, dưới sự giám sát của HTX Tân Tiến. Vì vậy, họ mua số lượng ít nên theo giá cả thị trường và ít được giảm giá hay nhận ưu đãi từ người bán.

(iv) Về công nghệ và vật tư sản xuất. Để thực hiện đúng các tiêu chuẩn về kỹ

thuật, HTX tiến hành liên hệ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng để có được những lớp tập huấn về sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Đồng thời, nhờ các cán bộ kỹ thuật thường xuyên đến theo dõi, hỗ trợ cho xã viên trong quá trình sản xuất đảm bảo đúng quy trình tiêu chuẩn, khắc phục những sự cố xảy ra.

Tình hình sản xuất và thu mua của HTX Tân Tiến

HTX luôn tuân thủ nghiêm ngặt các khâu của quá trình sản xuất rau an toàn, từ trồng cây đến tưới nước bón phân và phun thuốc, cách ly để thu hoạch để đảm bảo theo tiêu chuẩn VietGAP. Tổng sản lượng rau cung cấp cho HTX Tân Tiến như Bảng 4.

Kết quả khảo sát 20 hộ nông dân thành viên của HTX cho thấy, hộ có diện tích sản xuất rau lớn nhất là hơn 5ha, hộ có diện tích sản xuất rau nhỏ nhất là 5 sào. Tình hình sản xuất rau được tổng hợp như Bảng 5.

Tình hình sản lượng sản xuất bình quân 1ha/năm (năm 2017) thực hiện tại Bảng 6.

Kết quả khảo sát cho thấy, 100% hộ nông dân được tham gia đào tạo bồi dưỡng về trồng rau an toàn, công nghệ cao. 100% các xã viên thường xuyên gặp trực tiếp để trao đổi thông tin với HTX Tân Tiến. Chính vì vậy, những khó khăn trong quá trình sản xuất được giải quyết kịp thời. Việc tuân thủ chặt chẽ về sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGAP được 100% nông dân thực hiện.

Tuy nhiên, 60% hộ nông dân được phỏng vấn trả lời cho rằng, có khó khăn từ việc ảnh hưởng của điều kiện thời tiết và áp dụng kỹ thuật, công nghệ mới; 22% hộ nông dân được phỏng vấn trả lời cho rằng, họ khó khăn trong vấn đề nguyên vật liệu đầu vào; 20% hộ nông dân được phỏng vấn trả lời cho rằng, họ khó khăn từ thị trường đầu ra. Trong đó, yếu tố áp dụng khoa học, công nghệ mới là yếu tố khó khăn chung của phần lớn người nông dân sản xuất rau an toàn theo VietGAP.

Về thu mua rau, HTX Tân Tiến được coi là đầu mối quan trọng trong quy trình sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, tất cả các mối quan hệ đều được xây dựng trên cơ sở hợp đồng ký kết giữa các bên với nhau. 100% nông dân trả lời rằng, không có rủi ro trong việc mua bán các loại rau an toàn theo chuẩn VietGAP với HTX Tân Tiến và hài lòng với quan hệ mua - bán này.

BẢNG 4: SẢN LƯỢNG RAU THỤ MUA CỦA HTX TÂN TIẾN

Diễn giải	Loại rau	2016		2017	
		Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (tấn)	Tỷ trọng (%)
Hộ nông dân thành viên	Rau ăn lá (xà lách, các loại rau ăn lá)	250	26	290	22,3
	Rau ăn quả (cà chua, ớt, dưa leo...)	130	13,5	180	14
	Rau ăn củ (cà rốt, khoai tây, hành tây...)	160	16,6	200	21
Hộ nông dân liên kết	Rau ăn lá (xà lách, các loại rau ăn lá)	200	21	280	15,4
	Rau ăn quả (cà chua, ớt, dưa leo...)	100	10,4	170	13
	Rau ăn củ (cà rốt, khoai tây, hành tây...)	75	8	100	8
HTX liên kết	Rau ăn lá (xà lách, các loại rau ăn lá)	30	3	30	2,3
	Rau ăn quả (cà chua, ớt, dưa leo...)	10	1	40	3
	Rau ăn củ (cà rốt, khoai tây, hành tây...)	5	0,5	10	0,7
Tổng cộng		960		1.300	

Nguồn: HTX Tân Tiến

BẢNG 5: LỢI NHUẬN BÌNH QUÂN/IKG RAU NĂM 2017

Chi phí	Đơn vị tính: đồng		
	Rau ăn lá	Rau ăn quả	Rau ăn củ
Cây giống	200	100	2.400
Phân bón	700	800	500
Thuốc bảo vệ thực vật	300	400	200
Vật tư sản xuất	350	250	450
Cải tạo đất	100	100	100
Làm đất (cày, xới...)	250	550	350
Tiền công lao động	1.200	700	700
Điện, nước	800	800	800
Thu hoạch, vận chuyển	40	40	40
Khấu hao nhà kính	2.000	1.000	1.500
Thuế đất (nếu có)	0	0	0
Chi phí khác	500	600	600
Tổng chi phí	6.440	5.240	7.640
Giá bán bình quân	14.000	12.000	11.500
Lợi nhuận/kg	7.560	6.760	3.860

BẢNG 6: LỢI NHUẬN BÌNH QUÂN TRÊN 1HA NĂM 2017

Loại rau	Số vụ bình quân	Sản lượng bình quân/vụ (kg)	Sản lượng bình quân/năm (kg)	Lợi nhuận bình quân/ha/năm (triệu đồng)
Rau ăn lá	5	7.500	37.500	283,5
Rau ăn quả	2	24.000	36.000	243,36
Rau ăn củ	2	100.000	200.000	772

Nguồn: Thu thập của nhóm tác giả

Vận chuyển từ vùng trồng đến khu sơ chế và đóng gói

Rau sau khi thu hoạch được sơ chế nhất là rửa và chuyển về khu vực sơ chế của HTX bằng xe tải. Với những loại rau ăn lá, như: tần ô, bắp cải, xà lách... cần phải sơ chế nhiều hơn và hao tổn cũng nhiều hơn rau củ do dễ dập nát hư hỏng trong quá trình vận chuyển. Quy trình sơ chế cũng đơn giản tùy thuộc loại rau, hay củ, trước khi qua đóng gói/vận chuyển. Mức độ hao hụt ở giai đoạn này khá lớn, ước tính trung bình khoảng 20%-30%, nhất là rau xà lách, củ khoai tây, hành tây... do dập nát hư hỏng tới 50%.

Bao bì và lưu kho

Đối với các loại rau tiêu thụ trong nước, tại các siêu thị và khách sạn nhà hàng được đóng gói vào bao nylon có lỗ thông hơi. Rau xuất khẩu đi các nước lân cận (chủ yếu là cải bắp và cải thảo) bắt buộc phải đóng gói

BẢNG 7: ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU CỦA HTX TÂN TIẾN

Nội dung	Điểm mạnh	Điểm yếu
Hậu cần đầu vào	- Đầu tư mở rộng quy mô theo tiêu chuẩn VietGAP - Các nhà cung cấp đầu vào ổn định - Xây dựng hệ thống làm phân hữu cơ và chế phẩm sinh học - Mở rộng quy mô sản xuất	- Chi phí cố định cao - Chưa hợp tác hết với các đối tác cung cấp đầu vào - Nguồn nhân lực chưa có nhiều kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn cao
Sản xuất, sơ chế	- Cơ sở vật chất đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn - Xây dựng hệ thống kiểm tra chéo giữa các xã viên với nhau	- Trình độ nhận thức của xã viên chưa cao - Chưa có nhà máy chế biến
Hậu cần đầu ra	- Chất lượng sản phẩm được kiểm định theo tiêu chuẩn - Có đầu tư ban đầu cho hoạt động marketing	- Marketing, bán hàng chưa hiệu quả - HTX chưa chú trọng phát triển thị trường xuất khẩu - HTX chưa khai thác hết thị trường nội địa

Nguồn: Đánh giá của nhóm tác giả

theo đúng yêu cầu của nước nhập khẩu. Khi xuất khẩu, thông thường, từng bắp (rau) sẽ được cho vào bao giấy để tránh va chạm, trầy xước. Kế đó, chúng được bỏ vào bao lưới (20 kg/bao) hoặc thùng carton (20 kg/thùng).

Rau củ sau khi đóng gói dán nhãn được lưu kho chờ xuất. Tùy theo từng loại rau củ mà có các cách bảo quản khác nhau: Nếu rau quả được bảo quản tốt trong môi trường lạnh và đông lạnh, thời gian bảo quản có thể kéo dài từ 10-15 lần so với điều kiện bảo quản thường.

Hao hụt trong tồn trữ, bảo quản nhà lạnh chủ yếu do rau mất nước (nhẹ ký) khoảng 5%-10% tùy thời gian bảo quản và nhiệt độ bảo quản. Chi phí bao bì, nhãn mác bình quân mỗi năm của HTX Tân Tiến khoảng 150-170 triệu đồng

Khách hàng

- **Các công ty xuất khẩu:** Tỷ lệ rau xuất khẩu của HTX khoảng 5%, chủ yếu là trồng theo hợp đồng với công ty xuất khẩu, hướng công chăm sóc, tất cả mọi hoạt động sản xuất được giám sát và hỗ trợ từ các công ty. Sản phẩm sản xuất ra đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng của các công ty. Chính vì vậy, sản phẩm được đón nhận rất tốt, thương hiệu của các công ty. Hai bên hài lòng về việc hợp tác với nhau, có cam kết hợp tác lâu dài.

- **Siêu thị, Mega Market:** Sau khi phân loại hàng hóa, hàng tốt được bán tại các siêu thị, Mega Market. Nhận mức có thể của HTX hoặc của siêu thị, Mega Market tùy đơn đặt hàng. Số lượng hàng hóa cung cấp tại đây chiếm khoảng 50%.

- **Các cửa hàng thực phẩm:** Lượng hàng hóa bán tại các cửa hàng thực phẩm sạch được bán với giá tương đương với giá của các siêu thị, Mega Market.

Phân tích điểm mạnh, điểm yếu của chuỗi cung ứng

Từ những thực trạng đã được tìm hiểu ở trên, nhóm

tác giả sử dụng phương pháp SWOT để đánh giá và lựa chọn từ các yếu tố là điểm mạnh, điểm yếu của chuỗi cung ứng mặt hàng rau an toàn tại HTX Tân Tiến (Bảng 7).

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Một là, đẩy mạnh tìm kiếm hợp đồng cung cấp đầu vào. Để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào được ổn định, HTX cần tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm đối tác và ký hợp đồng cung cấp đầu vào, xây dựng mối liên hệ chặt chẽ với nhà cung cấp để đảm bảo đầu vào về mặt chất lượng và số lượng.

Hai là, về quản trị hoạt động sản xuất

Tuân thủ nghiêm túc điều kiện sản xuất và chấp hành tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. HTX phải xác định sản phẩm làm ra là sản phẩm an toàn, chất lượng cao. Để làm được điều này, HTX cần tăng cường giám sát quy trình sản xuất từ đầu vào đến đầu ra, phải kiểm định sản phẩm trước khi bán ra thị trường.

Ba là, đẩy mạnh chiến lược marketing và phát triển thị trường. Hiện nay, chiến lược marketing và bán hàng của HTX còn yếu, nên cần đầu tư nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng marketing; xây dựng website giới thiệu và cung cấp thông tin về rau an toàn để người tiêu dùng có thể biết được về sản phẩm cũng như có thể nhận thông tin phản hồi của khách hàng; Thiết lập một hệ thống cơ sở dữ liệu để khách hàng có thể căn cứ vào mã vạch trên bao bì sản phẩm, tra cứu nguồn gốc xuất xứ của một gói sản phẩm bất kỳ về HTX, nơi trồng, thời gian thu hoạch...

Bốn là, về truy xuất nguồn gốc. HTX cần thực hiện in trên hàng hoá, đặc biệt gọi là mã số mã vạch của hàng hoá để khách hàng biết đến nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm. Quy đó giúp nâng tầm giá trị sản phẩm, bảo vệ thương hiệu, đảm bảo chất lượng hàng hóa đến tay người tiêu dùng. Đồng thời, giúp tạo ra nhiều cơ hội cho HTX xuất khẩu các sản phẩm ra thị trường quốc tế, đặc biệt tại các thị trường yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hợp tác xã Tân Tiến (2016, 2017). Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2016, 2017
2. Hợp tác xã Tân Tiến (2016, 2017). Báo cáo tài chính năm 2016, 2017